

Bản án: 02/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 07 tháng 01 năm 2022  
V/v “Ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Minh Hiệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Thị Kim Hạnh
2. Bà Trần Thị Kim Khuyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Quốc Khánh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quang Hảo, kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thanh Ph, sinh năm 1999, có mặt

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện L, tỉnh V;

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Trường S, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã S, huyện L, tỉnh V. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang, Cục C10, Bộ công an.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh Ph trình bày: chị kết hôn với anh Nguyễn Trường S ngày 25/10/2017. Trước khi kết hôn, hai bên có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện L. Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh S làm dâu và sống chung cùng gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không cùng

quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi, anh S còn phạm tội và hiện đang phải chấp hành án. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm nên chị xin được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Nguyễn Chí Th, sinh ngày 13/3/2018, hiện cháu đang ở cùng chị. Ly hôn, chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trường S vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 10/12/2021 anh S trình bày: Anh xác định thời gian kết hôn, quá trình chung sống như chị Ph trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh S cũng xác nhận nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay chị Ph xin ly hôn anh đồng ý ly hôn. Về con chung: anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung: Cháu Nguyễn Chí Th, sinh ngày 13/3/2018, hiện cháu đang ở cùng chị Ph. Ly hôn, anh đề nghị để chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự: đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ph, cho chị Ph được ly hôn anh S. Giao cho chị Ph được nuôi dưỡng con chung. Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh Ph có yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Trường S có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã S, huyện L, tỉnh V. Hiện anh S đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang. Vì vậy, căn cứ theo quy

định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Ph đều có mặt, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Ph và anh S là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện L, tỉnh V. Cả chị Ph và anh S đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Xét đề nghị của chị Ph, Hội đồng xét xử thấy rằng: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ph và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay chị Ph xin ly hôn, anh S cũng đồng ý. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của chị Ph là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: chị Ph, anh S xác định vợ chồng 01 con chung: Cháu Nguyễn Chí Th, sinh ngày 13/3/2018. Hiện cháu Th đang ở cùng chị Ph. Xét đề nghị của chị Ph xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung, anh S cũng đồng ý để chị Ph nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ph.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: chị Ph, anh S không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Ph phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thanh Ph. Cho chị Trần Thị Thanh Ph được ly hôn anh Nguyễn Trường S.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị Thanh Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Chí Th, sinh ngày 13/3/2018 (hiện các cháu đang ở cùng chị Ph). Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph. Sau khi ly hôn, anh S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh Ph phải chịu 300.000đồng nhưng được trừ số tiền 300.000đồng chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006049 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị Ph đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU**

**Ngô Thị Minh Hiệp**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện L;
- THA huyện L;
- UBND xã S;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.